

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 92/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14/10/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Huỳnh Văn Thái

- Thư ký phiên Tòa : Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 356/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2019 vụ tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 104/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa :

1.**Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2.**Bị đơn:** Anh **Đặng Văn Ng**, sinh năm: 1979; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N trình bày: Chị và anh Ng trước khi lấy nhau có tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 25/2/1998, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh Ng ham chơi cờ bạc, có quan hệ ngoại tình với người khác đã nhiều lần chị khuyên răn nhưng anh Ng không nghe, bỏ mặc vợ con, không quan tâm chăm sóc, đi nhậu về là đánh chị. Từ đó, dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt, chị thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung tên Đặng Thị Thúy Á, sinh ngày 27/7/1999 và Đặng Hoàng P, sinh ngày 04/11/2013; con tên Á đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, chỉ yêu cầu được tiếp tục con tên P, không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại bản tự khai đề ngày 04/9/2019 và tại phiên tòa anh Ng xác định lời trình bày của chị N về hôn nhân, con chung, nợ chung, tài sản chung là đúng, anh thừa nhận những khuyết điểm với vợ con nhưng anh vẫn còn thương vợ con không đồng ý ly hôn, anh hứa sẽ khắc phục và sửa chữa bản thân mong chị N cho anh cơ hội, anh không đồng ý ly hôn. Về con chung anh cũng xin được nuôi con, không đồng ý giao con cho vợ nuôi. Về tài sản chung, Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” giữa chị và anh Ng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị N và anh Ng trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào ngày 25/2/1998, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn theo như chị N trình bày thì anh Ng có quan hệ bất chính với người khác, không quan tâm chăm sóc vợ con, chơi cờ bạc, đã nhiều lần chị cho anh cơ hội để sửa chữa nhưng anh Ng vẫn không từ bỏ. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Ng cũng thừa nhận khuyết điểm với chị N, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, bền vững lâu dài, vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc lẫn nhau và nuôi dạy con cái, sống chung thủy một vợ một chồng, theo như lời trình bày của chị N thì anh Ng có quan hệ ngoại tình với người khác; anh Ng cũng thừa nhận có việc này, gia đình cũng đã hòa giải động viên nhiều lần nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay chị N cương quyết xin được ly hôn với anh Ng. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị N và anh Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 01 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Đặng Văn Ng.

{2.2} Về con chung: Chị N và anh Ng đều xác định có 02 con chung tên Đặng Thị Thúy Á, sinh ngày 27/7/1999 và Đặng Hoàng P, sinh ngày 04/11/2013; con tên Á đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết. Còn cháu P chị N xin được nuôi con, không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con; anh Ng cũng có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử thấy rằng cháu P là

con chung của anh chị, chị N và anh Ng đều có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu trên của anh chị là chính đáng. Tuy nhiên, cũng phải xem xét cân nhắc khi anh chị ly hôn thì giao cháu N cho ai chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo điều kiện cho việc đi lại, ăn học của cháu. Theo như anh Ng xác nhận anh có tham gia chơi cờ bạc, không thường xuyên ở nhà do đó xét thấy không đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dạy con. Chị N xác định làm ăn buôn bán tạp hóa nhỏ, có đủ điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Xử giao cháu Đặng Hoàng P sinh ngày 04/11/2013 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ng có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

{2.3} Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{2.4} Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị Tuyết N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 6466 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị N đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Đặng Văn Ng.

2. Về con chung: Xử giao cháu Đặng Hoàng P sinh ngày 04/11/013 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con

Anh Ng có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị Tuyết N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 6466 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị N đã nộp đủ.

Chị N và anh Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể ngày tuyên án (14/10/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Dương sự;
- UBND xã
- L- u HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên